

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỀN LÃNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST  
Ngày 26-7-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huyền Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Đức Bình;

Ông Nguyễn Văn Nhòng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H, có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Khu 3, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Cao Thị H, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Do có quan hệ họ hàng với chị Vũ Thị H nên nhiều lần bà H đã cho chị H vay tiền, cụ thể: Năm 2013 bà H trực tiếp cho chị H vay tiền 02 lần, lần đầu là

50.000.000 đồng là tiền bán vàng mà có, hai bên có lập biên bản; lần thứ hai là 40.000.000 đồng không lập giấy biên nhận; các lần tiếp theo bà H cho chị H vay thông qua hình thức chuyển tiền vào số tài khoản của chị H, lần lượt vào các ngày: Ngày 28/8/2015 chuyển 27.000.000 đồng; ngày 22/01/2016, chuyển 15.000.000 đồng; ngày 06/4/2016 chuyển 15.000.000 đồng; ngày 09/5/2016 chuyển 100.000.000 đồng; ngày 23/01/2017 chuyển 40.000.000 đồng; ngày 16/10/2017 chuyển 20.000.000; ngày 23/5/2018 chuyển khoản 35.000.000 đồng vào số tài khoản 2106205020523 mang tên Vũ Thị H; ngoài ra còn một số lần khác bà H cho chị H vay tiền nhưng bà H không nhớ số tiền, thời gian cho vay. Ngày 01/11/2018, chị H gửi tin nhắn chốt nợ, tổng số tiền chị H nợ bà H tính đến ngày 01/11/2018 là 406.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói về thời hạn trả nợ và lãi suất. Theo đó, khi nào bà H đòi nợ thì chị H phải trả nợ theo yêu cầu của bà H; mức lãi suất cao nhất là 1,5%/ tháng/tổng số tiền cho vay và được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Quá trình vay nợ chị H đã trả bà H 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và một vài tháng lãi thì không tiếp tục trả nữa. Kể từ sau khi chốt nợ (ngày 01/11/2018) đến nay bà H yêu cầu chị H trả tiền cho bà nhiều lần nhưng chị H không trả. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà H đã khởi kiện yêu cầu chị H trả bà số tiền là 406.000.000 đồng và lãi suất 0.5%/tháng đối với số tiền 406.000.000 đồng kể từ ngày 01/11/2018 cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, ngày 30/5/2022, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà thừa nhận chị H đã trả bà 100.000.000 đồng tiền nợ gốc nên số tiền còn lại là 242.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

- **Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2022, chị H khai, xác nhận:** Chị H gọi bà H là mợ ruột (bà H kết hôn với cậu ruột chị H), giữa chị H và bà H không có mâu thuẫn, thù tức gì. Chị H thừa nhận nhiều lần chị H đã vay tiền của bà H. Tuy nhiên, chị H chỉ nhớ 02 lần vay tiền trực tiếp của bà H, lần đầu vay 50.000.000 đồng; lần thứ hai vay 40.000.000 đồng; những lần sau chị H vay bà H qua hình thức bà H chuyển tiền vào tài khoản của chị, nhưng chị không nhớ là bao nhiêu lần vay, mỗi lần vay bao nhiêu tiền; đồng thời thừa nhận số tài khoản 2106205020523 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện Tiên Lãng – Đông Hải Phòng và số điện thoại 0904.162.399 là của chị. Do không nhớ đã vay của bà H bao nhiêu tiền nên chị H không biết tổng số tiền đã vay của bà H là bao nhiêu; đồng thời xác nhận đã trả lãi và gốc cho bà H nhiều lần; lần trả tiền nợ gốc nhiều nhất là 100.000.000 đồng và đến nay đã trả nợ hết số tiền đã vay của bà H. Tuy nhiên, vì là mợ cháu tin tưởng nhau nên những lần trả nợ hai bên không lập biên bản, không có người chứng kiến; chị H có ghi vào sổ nợ về những lần chị H trả nợ cho bà H nhưng tới nay chị cũng không giữ được sổ nợ nên không có tài liệu nào giao nộp cho Tòa án để chứng minh chị đã trả hết nợ cho bà H. Việc vay nợ để phục vụ mục đích cá nhân, chồng chị (anh Lê Văn Hoàng) không biết, không vay tiền của bà H.

Nay bà H yêu cầu chị phải trả bà H tổng số tiền là 406.000.000 đồng và lãi suất 0.5%/tháng đối với số tiền 406.000.000 đồng kể từ ngày 01/11/2018 cho đến khi trả hết nợ, chị H không đồng ý, vì chị đã trả hết các khoản nợ, không còn nợ bà H bất kỳ khoản tiền nào.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Cao Thị H):** Không có quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tiên Lãng – Đông Hải Phòng thể hiện: Số tài khoản 2106205020523 là của khách hàng Vũ Thị H được mở vào ngày 12/02/2009 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện Tiên Lãng – Đông Hải Phòng. Trong khoảng thời gian từ ngày 28/8/2015 đến ngày 23/5/2018, số tài khoản 2106205020523 là của chị Vũ Thị H có 06 lần giao dịch nhận tiền từ bà Nguyễn Thị H và bà Cao Thị H, cụ thể: Các ngày 28/8/2015 nhận 27.000.000 đồng; ngày 22/01/2016 nhận 15.000.000 đồng; ngày 09/5/2016 nhận 100.000.000 đồng; ngày 23/01/2017 nhận 40.000.000 đồng; ngày 16/10/2017 nhận 20.000.000 đồng từ khách hàng Nguyễn Thị H chuyển đến; ngày 23/5/2018 nhận 35.000.000 đồng từ khách hàng Cao Thị H chuyển đến; ngày 06/4/2016 không có giao dịch nhận tiền; tổng số tiền của 06 lần giao dịch là: 237.000.000 đồng. Ngày 06/4/2016, không có giao dịch chuyển tiền từ khách hàng Nguyễn Thị H tới khách hàng Vũ Thị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn (bà H) rút một phần yêu cầu khởi kiện: Bà H không yêu cầu chị H phải trả bà số tiền 15.000.000 đồng mà bà đã chuyển vào tài khoản của chị H vào ngày 06/4/2016; đối với số tiền 35.000.000 đồng chuyển vào tài khoản chị H là của con gái bà (chị Cao Thị H) nên bà cũng xin rút, không yêu cầu chị H trả khoản tiền này. Số tiền nợ gốc còn lại bà H yêu cầu chị H phải trả là 192.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn (chị H); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên (chị H) quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có người đại diện tham gia phiên tòa; không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, mở phiên họp, hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468, 469 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 273; Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc chị H phải trả bà H 192.000.000 đồng tiền vay gốc. Do bà H không yêu cầu chị H phải trả tiền lãi nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với khoản tiền 15.000.000 đồng bà H đã chuyển vào tài khoản của chị H vào ngày 06/4/2016 và khoản tiền 35.000.000 đồng do chị Cao Thị H đã chuyển vào tài khoản chị H vào ngày 23/5/2018. Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.600.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản), bị đơn là chị Vũ Thị H, cư trú tại Khu 3, thị trấn T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp; các đương sự, người tham gia tố tụng khác đều không khiếu nại hoặc có ý kiến gì.

[2] Về việc áp dụng pháp luật dân sự: Hợp đồng vay tài sản được các bên đương sự giao kết nhiều lần từ năm 2013 tới năm 2018. Mỗi khi giao kết hợp đồng các bên đều xác nhận khoản tiền nợ gốc; thỏa thuận bằng lời nói về thời hạn (khi nào bà H đòi nợ, chị H có trách nhiệm phải trả nợ theo yêu cầu của bà H) và lãi suất (mức lãi suất là 1,5%/tháng/số tiền gốc, điều chỉnh theo từng thời kỳ). Do vậy hợp đồng vay tài sản giữa bà H và chị H là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có lãi có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 463; khoản 2 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Cao Thị H) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ văn bản tố tụng; sao gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, tạo điều kiện cho chị H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc chị H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; không trình bày quan điểm của mình; không giao nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án là tự từ bỏ các quyền và không chấp hành nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn (chị Vũ Thị H); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Cao Thị H) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; không có người đại diện tham gia phiên tòa; không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, chị H.

- Về nội dung:

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Lời khai của nguyên đơn (bà H) phù hợp với lời khai của bị đơn (chị H), phù hợp với kết quả xác minh tại ngân hàng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định từ năm 2013 đến năm 2018, bà Nguyễn Thị H nhiều lần cho chị Vũ Thị H vay tiền, với số tiền mỗi lần vay khác nhau bằng hình thức cho vay trực tiếp và chuyển khoản vào số tài khoản 2106205020523 của chị Vũ Thị H được mở vào ngày 12/02/2009 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Tiên Lãng – Đông Hải Phòng. Cụ thể: Năm 2013 chị H trực tiếp vay tiền bà H 02 lần, lần đầu 50.000.000 đồng, lần thứ hai 40.000.000 đồng; các ngày: Ngày 28/8/2015 vay 27.000.000 đồng, ngày 22/01/2016, vay 15.000.000 đồng, ngày 09/5/2016 vay 100.000.000 đồng, ngày 23/01/2017 vay 40.000.000 đồng, ngày 16/10/2017 vay 20.000.000 đồng qua hình thức chuyển tiền vào số tài khoản 2106205020523 của chị H. Các lần vay nợ đều được hai bên xác nhận số tiền nợ gốc, thời hạn trả nợ và lãi suất bằng lời nói, không lập thành văn bản. Theo đó, khi nào bà H đòi nợ, chị H có trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của bà H; mức lãi suất được tính dựa trên số tiền nợ gốc và theo từng thời điểm để các bên thanh toán với nhau.

Quá trình vay nợ hai bên xác nhận chị H đã trả 100.000.000 đồng tiền nợ gốc; có trả lãi cho bà H nhưng cả hai đều không xác định được cụ thể số tiền lãi đã trả. Kể từ sau tin nhắn chốt nợ ngày 07/11/2018 đến nay bà H yêu cầu chị H trả nợ nhiều lần nhưng chị H không trả. Chị H cho rằng chị đã trả bà H hết các khoản tiền nợ gốc và nợ lãi mà chị đã vay. Tuy nhiên, chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc trả nợ này nên không có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà bà H cho rằng bà đã chuyển vào số tài khoản 210620502052 cho chị H vay vào ngày 06/4/2016, kết quả xác minh tại ngân hàng thể hiện: Không có giao dịch chuyển 15.000.000 đồng từ khách hàng Nguyễn Thị H tới khách hàng Vũ Thị H vào ngày 06/4/2016. Số tiền 35.000.000 đồng được chuyển vào số tài khoản của chị H ngày 28/5/2018 là tiền của chị Cao Thị H (con gái bà H), do chị H chuyển tới tài khoản của chị H.

Tại phiên tòa bà H rút phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 15.000.000 đồng ngày 06/4/2016; khoản tiền 35.000.000 đồng ngày 28/5/2018. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với khoản tiền 15.000.000 đồng bà H đã chuyển vào tài khoản của chị H vào ngày 06/4/2016 và khoản tiền 35.000.000 đồng do chị Cao Thị H đã chuyển vào tài khoản chị H vào ngày 23/5/2018.

Từ những phân tích, tính toán trên, có thể thấy tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2022) chị H còn nợ bà H tổng số tiền nợ gốc là 192.000.000 đồng. Do bà H đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị H phải trả tiền lãi đối với các khoản tiền nợ gốc chị H còn vay bà H. Căn cứ khoản 2 Điều 92; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 465, 466 của bộ Luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc chị H phải trả bà H số tiền nợ gốc là 192.000.000 đồng. Do bà H không yêu cầu chị H phải trả tiền lãi; các đương sự không xác định được cụ thể số tiền lãi đã trả, không yêu cầu tính lại khoản tiền lãi đã trả theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chị Cao Thị H) không có quan điểm về việc giải quyết vụ án đối với khoản tiền 35.000.000 đồng mà chị đã chuyển vào số tài khoản 2106205020523 của chị Vũ Thị H; bà H xin rút yêu cầu đòi nợ đối với khoản tiền này. Vì vậy, trường hợp phát sinh tranh chấp, chị H sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.600.000 đồng ( $192.000.000 \times 5\%$ ).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 463, 465, 466, 468, 469 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Buộc chị Vũ Thị H phải trả bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 192.000.000 (Một trăm chín mươi hai triệu) đồng, không phải trả lãi.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không chịu thi hành khoản tiền trên thì chị H còn phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với khoản tiền 15.000.000 đồng bà H đã chuyển vào tài khoản của chị H vào ngày 06/4/2016

và khoản tiền 35.000.000 đồng do chị Cao Thị H đã chuyển vào tài khoản chị H vào ngày 23/5/2018.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Huyền Trang**